

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HOÁ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 1047/QĐ-UBND

Thanh Hoá, ngày 07 tháng 4 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt trữ lượng khoáng sản trong “Báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản đất san lấp và thu hồi khoáng sản đi kèm (đất giàu sắt làm phụ gia xi măng) tại xã Thành Thọ, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa”
(Trữ lượng tính đến ngày 17 tháng 01 năm 2017)

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khoáng sản;

Căn cứ Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định về đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản, mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản, hồ sơ đóng cửa mỏ khoáng sản;

Căn cứ Quyết định số 06/2006/QĐ-BTNMT ngày 07 tháng 6 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Quy định về phân cấp trữ lượng và tài nguyên khoáng sản rắn;

Căn cứ Giấy phép số 476/GP-UBND ngày 16/12/2016 của UBND tỉnh cho phép Công ty TNHH Hùng Cường PTL được thăm dò khoáng sản đất san lấp và thu hồi khoáng sản đi kèm (đất giàu sắt làm phụ gia xi măng) tại xã Thành Thọ, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa;

Xét đề nghị của Công ty TNHH Hùng Cường PTL tại Đơn đề nghị phê duyệt trữ lượng khoáng sản ngày 06/02/2017;

Căn cứ kết luận của Chủ tịch Hội đồng thẩm định Báo cáo kết quả thăm dò tại phiên họp ngày 27/01/2017 và phiếu đánh giá của Ủy viên hội đồng;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường Thanh Hoá tại Tờ trình số 333/TTr-STNMT ngày 22/3/2017,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thông qua báo cáo và phê duyệt trữ lượng khoáng sản trong “Báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản đất san lấp và thu hồi khoáng sản đi kèm (đất giàu sắt làm phụ gia xi măng) tại xã Thành Thọ, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa”, với các nội dung chính sau:

1. Diện tích khu vực thăm dò, phê duyệt trữ lượng là 7,6 ha, có tọa độ xác định tại Phụ lục số 01 và Bình đồ phân khối trữ lượng kèm theo Quyết định này.

2. Phê duyệt trữ lượng khoáng sản đất san lấp và thu hồi khoáng sản đi kèm (đất giàu sắt làm phụ gia xi măng) đã tính trong báo cáo;

Cấp 121: 315.532 m³;

Trong đó: + Đất san lấp là 204.144 m³;

+ Đất giàu sắt làm phụ gia xi măng là 111.388 m³ (tương đương 202.726 tấn).

3. Trữ lượng huy động vào thiết kế: 296.039 m³;

Trong đó: + Đất san lấp là 187.582 m³;

+ Đất giàu sắt làm phụ gia xi măng là 108.457 m³ (tương đương 197.392 tấn).

4. Tài nguyên cấp 333: Không.

5. Mức sâu và các khối trữ lượng phê duyệt như Phụ lục số 02 kèm theo.

Trữ lượng và tài nguyên khoáng sản đất san lấp và đất giàu sắt của từng khối, cấp được thống kê chi tiết tại Phụ lục số 02 kèm theo Quyết định này.

6. Cao độ tính trữ lượng:

- Khu vực 1: Thấp nhất +27,4 m; cao nhất +59,0 m;

- Khu vực 2: Thấp nhất +23,9 m; cao nhất +35,6 m;

- Khu vực 3: Thấp nhất +22,2 m; cao nhất +51,3m.

Điều 2. Các tài liệu của báo cáo được sử dụng để lập báo cáo nghiên cứu khả thi về khai thác và giao nộp lưu trữ địa chất.

Điều 3. Trách nhiệm thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

2. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Chủ tịch UBND tỉnh (để báo cáo);
- Văn phòng một cửa (Bộ TN&MT);
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Công ty TNHH Hùng Cường PLT;
- TT Thông tin Lưu trữ địa chất;
- Lưu: VT, CN.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Đức Quyền

**TỌA ĐỘ KHU VỰC THẨM DÒ, PHÊ DUYỆT TRỮ LƯỢNG KHOÁNG
SẢN ĐẤT SẢN LẬP VÀ THU HỒI KHOÁNG SẢN ĐI KÈM (ĐẤT GIÀU
SẮT LÀM PGXM TẠI XÃ THÀNH THỌ, HUYỆN THẠCH THÀNH**

(Kèm theo Quyết định phê duyệt trữ lượng số: 10477/QĐ-UBND
ngày 07 tháng 4 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa)

Khu vực	Điểm góc	Hệ tọa độ VN2000 (Kinh tuyến trục 105 ⁰ , múi chiếu 3 ⁰)	
		X (m)	Y (m)
Tổng diện tích: 7,6 ha			
Khu 1 3,0 ha	1	2225 925.00	575 212.00
	2	2226 121.00	575 275.00
	3	2226 219.20	575 163.08
	4	2225 971.00	575 096.00
Khu 2 1,0 ha	5	2225 801.00	575 425.00
	6	2225 818.00	575 577.00
	7	2225 750.00	575 584.00
	8	2225 733.69	575 447.67
Khu 3 3,6 ha	9	2225 647.75	575 620.05
	10	2225 883.00	575 826.00
	11	2225 728.66	575 942.17
	12	2225 665.00	575 848.00

**THỐNG KÊ TRỮ LƯỢNG KHOÁNG SẢN ĐẤT SAN LẤP VÀ THU HỒI
KHOÁNG SẢN ĐI KÈM (ĐẤT GIÀU SẮT LÀM PGXM) TẠI XÃ
THÀNH THO, HUYỆN THẠCH THÀNH**

(Kèm theo Quyết định phê duyệt trữ lượng số: 1047/QĐ-UBND
ngày 07 tháng 4 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa)

STT	Khối	Mức sâu thấp nhất khối tính trữ lượng (m)		Trữ lượng (m ³)		Ghi chú
		Đất giàu sắt	Đất san lấp	Đất giàu sắt	Đất san lấp	
Khu 1						
1	I-121	31,74	29,02	19.860	35.500	
2	II-121	30,46	27,40	19.416	35.982	
3	III-121	30,46	27,40	4.302	8.241	
Tổng khu 1				43.578 m ³ = 79.313 tấn	79.723 m ³	
Khu 2						
4	IV-121	26,85	23,90	7.681	13.008	
5	V-121	29,93	26,75	7.126	12.859	
6	VI-121	29,93	26,75	743	1.391	
Tổng khu 2				15.550 m ³ = 28.300 tấn	27.258 m ³	
Khu 3						
7	VII-121	25,72	22,37	6.988	14.572	
8	VIII-121	26,70	23,88	18.682	34.955	
9	IX-121	25,27	22,20	26.590	47.636	
Tổng khu 3				52.260 m ³ = 95.113 tấn	97.163 m ³	
Tổng trữ lượng cấp 121				111.388 m ³ = 202.726 tấn	204.144 m ³	